

Tăng tỷ trọng

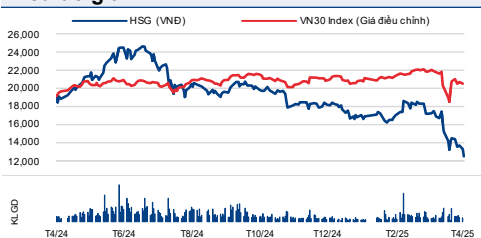
Giá mục tiêu: VNĐ19,100

Tiềm năng tăng/giảm: 52.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (22/4/2025)	12,500
Mã Bloomberg	HSG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	12,500-24,630
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	13,167
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	7,700
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	297
Slg CP lưu hành (tr.đv)	616
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	302
Slg CP NN được mua (tr.đv)	248
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	8.80%
Tỷ lệ freefloat	51.6%
Cổ đông lớn	HSIT (19.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg9	09-24A	09-25F	09-26F
DT thuần (tỷ đồng)	39,272	42,677	47,039
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,413	1,752	1,734
LNTT (tỷ đồng)	551	929	1,108
LNT ĐC (tỷ đồng)	479	808	941
FCF (tỷ đồng)	(2,185)	999	583
EPS ĐC (đồng)	777	1,311	1,527
DPS (đồng)	500	1,000	1,000
BVPS (đồng)	17,697	17,021	17,548
T.trưởng EBITDA (%)	8.08	24.0	(1.00)
T.trưởng EPS ĐC (%)	1,615	68.7	16.5
Tăng trưởng DPS (%)	0	100	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	3.60	4.11	3.69
Tỷ suất LNTT (%)	1.40	2.18	2.36
Tỷ suất LNT ĐC (%)	1.31	2.03	2.15
Tỷ lệ LN trả CT (%)	59.8	70.9	60.9
Nợ thuần/VCSH (%)	45.5	30.9	28.3
ROAE (%)	4.75	8.12	9.50
ROACE (%)	3.90	8.20	8.97
EV/doanh thu (lần)	0.32	0.25	0.22
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.81	6.11	6.05
P/E ĐC (lần)	16.1	9.54	8.18
P/B (lần)	0.71	0.73	0.71
Lợi suất cổ tức (%)	4.00	8.00	8.00

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

HSG là một trong những doanh nghiệp đầu ngành thép Việt Nam với hệ thống phân phối rộng khắp. Các sản phẩm chính của HSG bao gồm tôn thép, ống thép và ống nhựa.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Lợi nhuận thuần quý 2 giảm 36% nhưng tăng gấp đôi so với KQKD sơ bộ

- Ngày 23/4/2025, HSG công bố KQKD Q2/NĐTC 2024-2025 (năm tài chính kết thúc vào tháng 9), cho thấy lợi nhuận thuần đạt 205 tỷ đồng, giảm 36% so với cùng kỳ nhưng tăng 24% so với quý trước và tăng gấp đôi so với KQKD sơ bộ được công bố tại ĐHCĐ, trên doanh thu thuần 8.452 tỷ đồng (giảm 9% so với cùng kỳ và giảm 17% so với quý trước).
- HSG ghi nhận 145 tỷ đồng hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho và 96 tỷ đồng lãi tỷ giá trong giai đoạn này. Nếu không có các khoản thu nhập này, HSG sẽ ghi nhận lỗ 22 tỷ đồng (so với lợi nhuận 288 tỷ đồng trong Q2/NĐTC 2023-2024 và 145 tỷ đồng trong Q1/NĐTC 2024-2025).
- Theo đó, lợi nhuận thuần và lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi nửa đầu NĐTC 2024-2025 đạt lần lượt 371 tỷ đồng (giảm 12% so với cùng kỳ) và 125 tỷ đồng (giảm 66% so với cùng kỳ). Với kết quả trên, HSG đã hoàn thành 43% dự báo lợi nhuận thuần cho NĐTC 2024-2024 của HSC. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với HSG.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/NĐTC 2024-2025 ngày 23/4/2025

Ngày 23/4/2025, HSG công bố KQKD Q2/NĐTC 2024-2025 với lợi nhuận thuần đạt 205 tỷ đồng, giảm 36% so với cùng kỳ nhưng tăng 24% so với quý trước. Kết quả trên cao hơn gấp đôi so với KQKD sơ bộ công bố tại ĐHCĐ được tổ chức vào tháng 3/2025. Mặc dù KQKD thực tế cao hơn KQKD sơ bộ, chất lượng lợi nhuận vẫn kém, với lỗ từ HĐKD cốt lõi 22 tỷ đồng (so với lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi 288 tỷ đồng của cùng kỳ năm ngoái và 145 tỷ đồng của quý trước).

Theo đó, lợi nhuận thuần và lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi nửa đầu NĐTC 2024-2025 đạt lần lượt 371 tỷ đồng (giảm 12% so với cùng kỳ) và 125 tỷ đồng (giảm 66% so với cùng kỳ). Với kết quả trên, Công ty hoàn thành 43% dự báo lợi nhuận thuần NĐTC 2024-2025 của chúng tôi ở mức 868 tỷ đồng (tăng trưởng 69%).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 23/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2025, HSG

Lợi nhuận thuần sát với dự báo của HSC trong khi chất lượng lợi nhuận vẫn kém

Tỷ đồng	Q2/2025	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T2025	So với cùng kỳ	% hoàn thành dự báo 2025
Doanh thu thuần	8,452	-8.6%	-17.3%	18,674	1.9%	43.8%
Lợi nhuận gộp, báo cáo	1,076	-3.8%	-10.7%	2,281	10.3%	47.1%
Lợi nhuận gộp cốt lõi	930	-24.1%	-22.8%	2,136	-1.8%	
Tỷ suất lợi nhuận gộp cốt lõi	11.0%	-2.3ppts	-0.8ppts	11.4%	-0.5ppts	
Chi phí BH&QL	908	-0.5%	-8.4%	1,900	8.4%	
Chi phí BH&QL/Doanh thu	10.7%	+0.8ppts	+1.0ppts	10.2%	+0.6ppts	
LNTT, báo cáo	227	-27.7%	20.2%	416	-3.1%	44.8%
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng HTK	145	235.5%	n/a	145	-235.5%	
Lãi/lỗ tỷ giá	96	-22.4%	474.9%	113	-21.2%	
Thu nhập khác	8	-43.5%	14.2%	14	-40.7%	
LNTT cốt lõi	(22)	-107.8%	-113.3%	144	-61.2%	
Lợi nhuận thuần, báo cáo	205	-35.6%	24.1%	371	-12.2%	42.7%
Lợi nhuận cốt lõi	(20)	-106.9%	-113.8%	125	-65.7%	

Nguồn: HSG, HSC

Nhu cầu xuất khẩu kém kéo giảm doanh thu thuần

Trong Q2/NĐTC 2024-2025, HSG bán tổng cộng 432.654 tấn sản phẩm (thép và ống nhựa), giảm 5,2% so với cùng kỳ và giảm 15,3% so với quý trước. Trong đó, sản lượng tiêu thụ thép giảm 5,7% so với cùng kỳ và giảm 15,8% so với quý trước xuống còn 420,654 tấn do sản lượng xuất khẩu giảm.

Chúng tôi lưu ý rằng HSG ngưng xuất khẩu sang thị trường Mỹ trong một khoảng thời gian do Bộ Thương mại Hoa Kỳ tiến hành điều tra chống bán phá giá (AD) và chống trợ cấp (CVD) đối với tôn mạ nhập khẩu từ Việt Nam vào tháng 9/2024. Trong khi đó, mức độ cạnh tranh tại các thị trường xuất khẩu khác như châu Âu cũng trở nên gay gắt hơn, cùng với sự kiểm soát chặt chẽ hơn và áp dụng hạn ngạch nhập khẩu.

- Sản lượng xuất khẩu Q2/NĐTC 2024-2025 giảm 37,8% so với cùng kỳ xuống 165.695 tấn (giảm 23,7% so với quý trước do yếu tố thời vụ).
- Sản lượng tiêu thụ trong nước cải thiện mạnh 41,9% so với cùng kỳ đạt 254.959 tấn (mặc dù vẫn còn giảm 9,7% so với quý trước do yếu tố thời vụ).

Tuy nhiên, sự phục hồi của nhu cầu trong nước vẫn chưa thể bù đắp hoàn toàn cho phần sụt giảm mạnh của doanh thu xuất khẩu. Theo đó, sản lượng xuất khẩu đóng góp 39% sản lượng tiêu thụ thép của HSG trong giai đoạn này (thấp hơn so với mức đóng góp 60% cùng kỳ năm ngoái và 44% trong quý trước). Do đó, mức đóng góp của sản lượng tiêu thụ trong nước tăng lên 61% từ mức 41%/57% lần lượt trong Q2/NĐTC 2023-2024 và Q1/NĐTC 2024-2025.

Trong nửa đầu NĐTC 2024-2025, sản lượng tiêu thụ tăng khiêm tốn 2,8% so với cùng kỳ đạt 920.218 tấn. Trong đó, doanh thu xuất khẩu đóng góp 42% tổng sản lượng tiêu thụ thép, trong khi mức đóng góp của doanh thu trong nước mở rộng lên 58% (Bảng 2).

Do đó, doanh thu giảm 8,6% so với cùng kỳ và giảm 17,3% so với quý trước đạt 8.452 tỷ đồng trong Q2/NĐTC 2024-2025, đa phần do sản lượng tiêu thụ giảm trong khi giá bán bình quân được dự báo giảm 3,6% so với cùng kỳ và giảm 2,3% so với quý trước. Với kết quả trên, doanh thu thuần nửa đầu NĐTC 2024-2025 đạt 18,674 tỷ đồng, tăng 1,9% so với cùng kỳ và hoàn thành 43,8% dự báo doanh thu thuần cho NĐTC 2024-2025 của chúng tôi.

Lợi nhuận thuần cao hơn quý trước nhưng nhờ lợi nhuận từ HĐKD không cốt lõi

HSG công bố KQKD Q2/NĐTC 2024-2025 với lợi nhuận thuần 205 tỷ đồng (giảm 36% so với cùng kỳ nhưng tăng 8,3 lần so với quý trước). Theo đó, lợi nhuận thuần nửa đầu NĐTC 2024-2025 đạt 371 tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ và hoàn thành 42,7% dự báo lợi nhuận thuần cho NĐTC 2024-2025 của HSC. Tuy nhiên, kết quả này đa phần đến từ lợi nhuận HĐKD không cốt lõi. Chúng tôi lưu ý rằng:

- HSG ghi nhận 145 tỷ đồng hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho trong giai đoạn này nhờ giá HRC hồi phục.
- Công ty cũng ghi nhận lãi tỷ giá 96 tỷ đồng trong giai đoạn này.
- Ngoại trừ các khoản thu nhập này, LNTT từ HĐKD cốt lõi và lợi nhuận thuần sẽ chuyển thành lỗ lần lượt ở mức 22 tỷ đồng và 20 tỷ đồng. Do đó, chất lượng lợi nhuận trong giai đoạn này kém, theo quan điểm của chúng tôi.

Các nội dung khác

Trong bối cảnh thị trường biến động, HSG giảm khoản vay ngân hàng ngắn hạn xuống còn 3.532 tỷ đồng, giảm 43% so với cùng kỳ và giảm 45% so với quý trước. Tính đến cuối Q2/NĐTC 2024-2025, tồn kho của HSG được ghi nhận ở mức 8.027 tỷ đồng, giảm 33% so với cùng kỳ và giảm 18% so với quý

trước. Mức tồn kho này tương đương với 3,3 tháng sản xuất, không đổi so với quý trước nhưng thấp hơn so với mức 4,5 tháng của cùng kỳ năm ngoái. Với nỗ lực giảm tỷ lệ nợ thuần/vốn CSH, nợ thuần/vốn CSH giảm xuống mức 0,5 lần, so với mức 0,52 lần trong cùng kỳ năm ngoái và 0,79 lần trong quý trước.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC tin rằng nhu cầu trong nước vẫn là động lực tăng trưởng chính trong thời gian tới, nhờ sự gia tăng không ngừng của các dự án đầu tư công. Trong khi đó, các thị trường xuất khẩu có vẻ có phải đối mặt với nhiều thách thức trong giai đoạn này, do đó chúng tôi kỳ vọng Công ty sẽ chủ động tìm thị trường mới như Paraguay, Colombia, Brazil v.v. để tránh sự kiểm soát ngày càng gắt gao hơn của châu Âu và Mỹ. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với HSG.

Bảng 2: Cơ cấu sản lượng tiêu thụ Q2/2024, HSG

Sản lượng tiêu thụ thép trong quý 2/2025 giảm 6% so với cùng kỳ và 16% so với quý trước do nhu cầu xuất khẩu suy yếu

Tán	Q2/2024	Q2/2025	So với cùng kỳ	so với quý trước	6T2024	6T2025	So với cùng kỳ
Tôn mạ	375,369	323,929	-13.7%	-17.9%	735,547	718,453	-2.3%
Trong nước	116,562	164,446	41.1%	-11.3%	276,199	349,857	26.7%
Xuất khẩu	258,807	159,483	-38.4%	-23.7%	459,348	368,596	-19.8%
Ống thép	70,716	96,725	36.8%	-7.9%	159,638	201,765	26.4%
Trong nước	63,172	90,513	43.3%	-6.7%	149,132	187,489	25.7%
Xuất khẩu	7,544	6,212	-17.7%	-23.0%	10,506	14,276	35.9%
Tổng sản lượng thép	446,085	420,654	-5.7%	-15.8%	895,185	920,218	2.8%
Tổng trong nước	179,734	254,959	41.9%	-9.7%	425,331	537,346	26.3%
Tổng xuất khẩu	266,351	165,695	-37.8%	-23.7%	469,854	382,872	-18.5%
Tỷ trọng doanh thu	100.0%	100.0%			100.0%	100.0%	
Trong nước	40.3%	60.6%			47.5%	58.4%	
Xuất khẩu	59.7%	39.4%			52.5%	41.6%	

Nguồn: VSA, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	09-23A	09-24A	09-25F	09-26F	09-27F
Doanh thu	31,651	39,272	42,677	47,039	52,515
Lợi nhuận gộp	3,061	4,264	4,848	5,192	6,039
Chi phí BH&QL	(2,884)	(3,840)	(3,969)	(4,233)	(4,726)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	177	423	879	958	1,312
Lãi vay thuần	(80.7)	87.2	13.0	110	94.3
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	49.9	40.6	36.8	40.5	45.3
LN TT	146	551	929	1,108	1,452
Chi phí thuế TNDN	(116)	(36.5)	(60.9)	(96.8)	(127)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.05)	(0.04)	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	30.0	515	868	1,012	1,325
Lợi nhuận thuần ĐC	27.9	479	808	941	1,232
EBITDA ĐC	1,308	1,413	1,752	1,734	2,091
EPS (đồng)	48.7	835	1,410	1,642	2,151
EPS ĐC (đồng)	45.3	777	1,311	1,527	2,001
DPS (đồng)	500	500	1,000	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	616	616	616	616	616
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	616	616	616	616	616
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	616	616	616	616	616

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	09-23A	09-24A	09-25F	09-26F	09-27F
Tiền & tương đương tiền	597	602	1,135	1,363	1,384
Đầu tư ngắn hạn	26.2	30.6	39.8	51.8	67.3
Phải thu khách hàng	2,322	2,985	2,987	3,293	3,676
Hàng tồn kho	7,629	9,712	9,816	10,349	11,028
Các tài sản ngắn hạn khác	701	844	917	1,011	1,128
Tổng tài sản ngắn hạn	11,275	14,174	14,895	16,066	17,284
TSCĐ hữu hình	4,833	3,915	2,855	2,117	1,388
TSCĐ vô hình	187	196	206	216	227
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	531	665	665	665	665
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	539	616	672	740	822
Tổng tài sản dài hạn	6,090	5,391	4,398	3,739	3,102
Tổng cộng tài sản	17,365	19,566	19,293	19,805	20,386
Nợ ngắn hạn	2,936	5,364	4,161	4,185	4,183
Phải trả người bán	2,885	2,328	3,841	3,763	3,676
Nợ ngắn hạn khác	433	635	442	648	658
Tổng nợ ngắn hạn	6,569	8,632	8,775	8,961	8,924
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0.71	0.71	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0.71	0.71	0	0	0
Tổng nợ phải trả	6,585	8,649	8,792	8,979	8,944
Vốn chủ sở hữu	10,764	10,901	10,485	10,809	11,426
Lợi ích cổ đông thiểu số	16.1	16.1	16.1	16.1	16.1
Tổng vốn chủ sở hữu	10,780	10,917	10,501	10,826	11,442
Tổng nợ phải trả và VCSH	17,365	19,566	19,293	19,805	20,386
BVPS (đ)	17,475	17,697	17,021	17,548	18,549
Nợ thuần*/(tiền mặt)	2,339	4,762	3,027	2,822	2,799

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	09-23A	09-24A	09-25F	09-26F	09-27F
EBIT	177	423	879	958	1,312
Khấu hao	(1,131)	(990)	(873)	(776)	(779)
Lãi vay thuần	(80.7)	87.2	13.0	110	94.3
Thuế TNDN đã nộp	(54.1)	(84.9)	(139)	(222)	(290)
Thay đổi vốn lưu động	1,238	(3,005)	(671)	(1,010)	(1,263)
Khác	(629)	311	49.8	150	140
LCT thuần từ HKKD	1,866	(1,415)	1,085	677	685
Đầu tư TS dài hạn	(374)	(771)	(85.4)	(94.1)	(105)
Góp vốn & đầu tư	(17.6)	(4.26)	4.68	6.39	9.30
Thanh lý	41.6	50.9	61.3	61.4	61.5
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(350)	(724)	(19.5)	(26.3)	(34.2)
Cổ tức trả cho CSH	0	0	0	0	0
Thu từ phát hành CP	0	22.1	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(1,251)	2,428	(440)	(307)	(461)
Khác	(0.01)	(308)	(92.7)	(115)	(169)
LCT thuần từ HĐTC	(1,251)	2,142	(533)	(423)	(629)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	330	597	602	1,135	1,363
LCT thuần trong kỳ	265	3.55	533	228	21.6
Ảnh hưởng của tỷ giá	1.54	1.66	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	597	602	1,135	1,363	1,384
Dòng tiền tự do	1,492	(2,185)	999	583	580

Các chỉ số tài chính	09-23A	09-24A	09-25F	09-26F	09-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	9.67	10.9	11.4	11.0	11.5
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	4.13	3.60	4.11	3.69	3.98
Tỷ suất LNT (%)	0.09	1.31	2.03	2.15	2.52
Thuế TNDN hiện hành (%)	79.4	6.63	6.55	8.73	8.73
Tăng trưởng doanh thu (%)	(36.3)	24.1	8.67	10.2	11.6
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(25.0)	8.08	24.0	(1.00)	20.6
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(88.1)	1,615	68.7	16.5	31.0
Tăng trưởng EPS (%)	(88.4)	1,615	68.7	16.5	31.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(88.4)	1,615	68.7	16.5	31.0
Tăng trưởng DPS (%)	nm	0	100	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	1,026	59.8	70.9	60.9	46.5
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	0.28	4.75	8.12	9.50	11.9
ROACE (%)	1.62	3.90	8.20	8.97	11.8
Vòng quay tài sản (lần)	1.84	2.13	2.20	2.41	2.61
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	10.6	(3.34)	1.23	0.71	0.52
Số ngày tồn kho	97.4	101	94.7	90.3	86.6
Số ngày phải thu	29.6	31.1	28.8	28.7	28.9
Số ngày phải trả	36.8	24.3	37.1	32.8	28.9
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	23.1	45.5	30.9	28.3	26.8
Nợ/tài sản (%)	17.7	28.4	22.7	22.3	21.8
EBIT/lãi vay (lần)	2.19	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	2.35	3.94	2.50	2.55	2.13
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.72	1.64	1.70	1.79	1.94
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.32	0.32	0.25	0.22	0.20
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.68	8.81	6.11	6.05	5.00
P/E (lần)	257	15.0	8.87	7.61	5.81
P/E ĐC (lần)	276	16.1	9.54	8.18	6.25
P/B (lần)	0.72	0.71	0.73	0.71	0.67
Lợi suất cổ tức (%)	4.00	4.00	8.00	8.00	8.00

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn